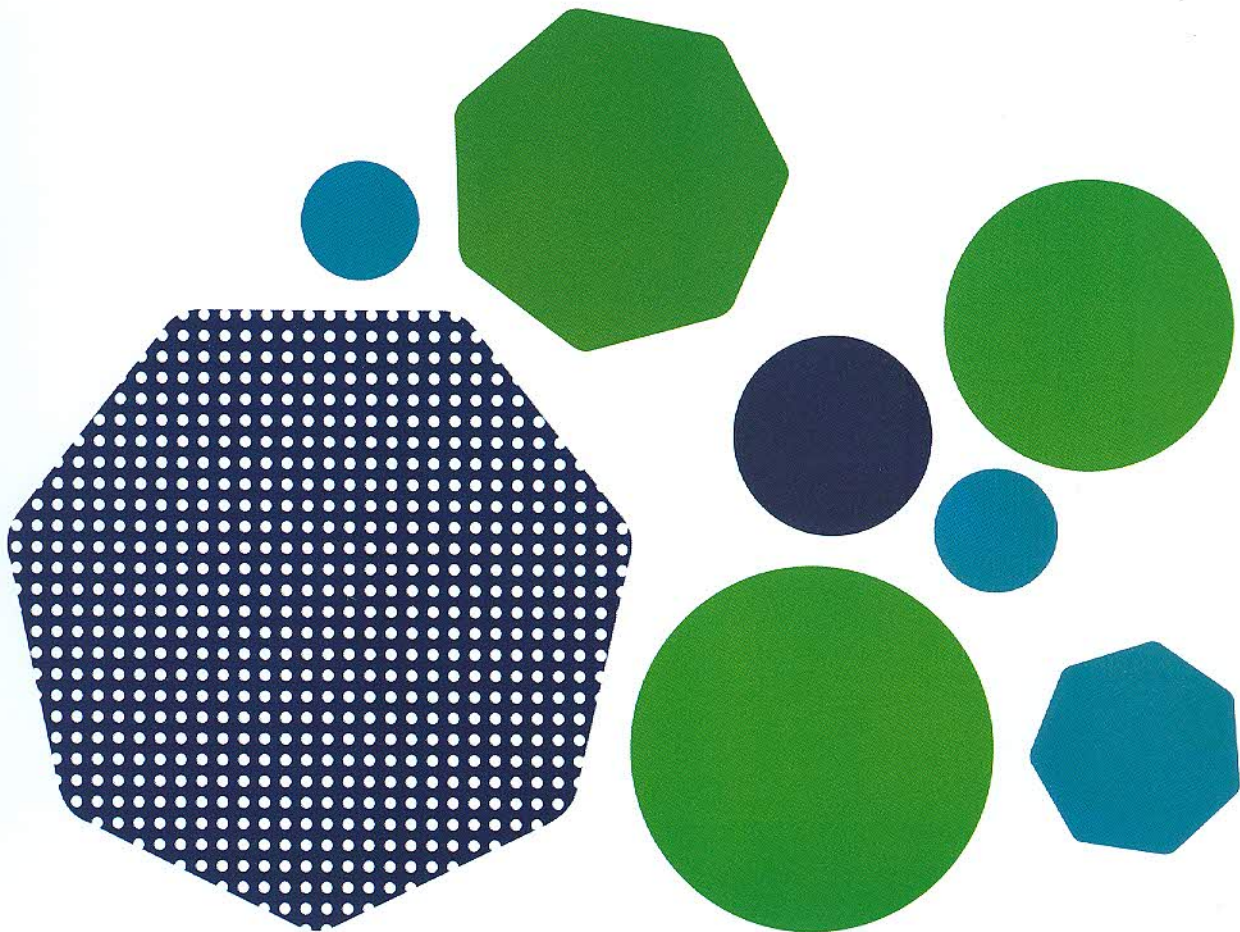


**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 54



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

Số 68 Đường Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Tập đoàn Hoàng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 từ trang 05 đến trang 54 kèm theo.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản Trị**

Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch - Người đại diện theo pháp luật
Bà Phạm Thúy An	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Đạo	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Ông Đặng Hoàng Phương	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Lê Thị Ngọc Điền	Trưởng Ban
Bà Đặng Thị Kim Nguyệt	Thành viên
Bà Trần Ngọc Yến	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Quốc Đạo	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thúy An	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Tôn	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Trúc.

**CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngoài sự kiện được nêu tại mục 40 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh (UHYACA).

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn này. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

Số 68 Đường Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám Đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám Đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 và Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Bộ Tài chính có hiệu lực ngày 01/08/2017 về quy định quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng.

**Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám Đốc,**



Nguyễn Quốc Đạo  
Tổng Giám Đốc

Long An, ngày 14 tháng 8 năm 2017



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ Phần Tập đoàn Hoàng Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14 tháng 08 năm 2017, từ trang 05 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Lương Ngô Bảo Trân**  
Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số 1828-2014-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2017*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.093.422.928.978</b>	<b>1.080.085.287.723</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>7.017.005.445</b>	<b>5.224.494.878</b>
Tiền	111		7.017.005.445	5.224.494.878
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6a</b>	<b>29.000.000.000</b>	<b>29.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		29.000.000.000	29.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>979.919.583.162</b>	<b>976.100.442.351</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	500.167.870.820	448.134.199.255
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	22.101.837.253	57.702.563.898
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9a	395.821.315.605	384.749.670.474
Phải thu ngắn hạn khác	136	10a	82.436.324.919	110.502.997.902
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(20.607.765.435)	(24.989.345.778)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	356.600
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>74.383.687.963</b>	<b>65.275.670.094</b>
Hàng tồn kho	141		74.745.593.392	65.637.575.523
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(361.905.429)	(361.905.429)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.102.652.408</b>	<b>4.484.680.400</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13a	2.582.880.803	3.328.624.495
Thuế GTGT được khấu trừ	152		35.261.620	711.126.514
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21b	484.509.985	444.929.391



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại 30/06/2017 VND</b>	<b>Tại 01/01/2017 VND</b>
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>626.104.336.309</b>	<b>630.847.938.931</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>8b</b>	<b>82.515.044.705</b>	<b>83.564.294.705</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9b	80.000.000.000	80.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	10b	2.515.044.705	3.564.294.705
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>305.116.169.779</b>	<b>306.004.373.647</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	257.720.642.127	252.128.146.947
- Nguyên giá	222		325.086.706.926	321.802.484.069
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67.366.064.799)	(69.674.337.122)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	15	45.179.650.364	51.632.418.188
- Nguyên giá	225		53.235.136.354	61.933.181.824
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.055.485.990)	(10.300.763.636)
Tài sản cố định vô hình	227	16	2.215.877.288	2.243.808.512
- Nguyên giá	228		2.793.122.628	2.793.122.628
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(577.245.340)	(549.314.116)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>17</b>	<b>573.246.827</b>	<b>748.322.933</b>
- Nguyên giá	231		3.501.522.110	3.501.522.110
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.928.275.283)	(2.753.199.177)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>18</b>	<b>75.710.087.567</b>	<b>70.318.553.981</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		69.241.740.474	69.413.060.520
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.468.347.093	905.493.461
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6b</b>	<b>131.823.396.496</b>	<b>132.107.364.128</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		131.823.396.496	132.107.364.128
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>30.366.390.935</b>	<b>38.105.029.537</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13b	7.234.977.655	6.462.968.533
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		23.131.413.280	31.642.061.004
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.719.527.265.287</b>	<b>1.710.933.226.654</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2017	Tại 01/01/2017
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.151.390.849.963</b>	<b>1.203.558.810.955</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>686.977.704.745</b>	<b>653.251.320.966</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	224.335.894.071	185.725.811.356
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20a	29.412.501.168	20.319.637.471
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21a	3.623.530.314	4.997.962.221
Phải trả người lao động	314		3.112.268.169	5.609.404.740
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22a	2.270.061.116	1.878.712.408
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		170.000.000	170.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	23a	65.246.398.572	85.735.893.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24a	343.144.668.696	332.727.867.131
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.662.382.639	16.086.032.639
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>464.413.145.218</b>	<b>550.307.489.989</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	20b	7.851.274.545	7.851.274.545
Chi phí phải trả dài hạn	333	22b	17.231.895.670	17.231.895.670
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.146.717.280	2.219.444.553
Phải trả dài hạn khác	337	23b	875.472.291	1.275.291.984
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24b	436.307.785.432	521.729.583.237
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>568.136.415.324</b>	<b>507.374.415.699</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>568.136.415.324</b>	<b>507.374.415.699</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		443.753.850.000	443.753.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		443.753.850.000	443.753.850.000
Cổ phiếu quỹ	415		(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		36.479.743.076	36.479.743.076
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		95.402.822.248	34.640.822.623
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		34.640.822.623	(105.533.608.893)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		60.761.999.625	140.174.431.516
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.719.527.265.287</b>	<b>1.710.933.226.654</b>


Long An, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu



Lê Thị Khả Hân

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trúc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Đạo



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>26</b>	<b>1.609.508.331.183</b>	<b>1.509.859.943.349</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	339.386.091	3.712.437.907
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>1.609.168.945.092</b>	<b>1.506.147.505.442</b>
Giá vốn hàng bán	11	28	1.515.502.896.403	1.385.607.380.417
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>93.666.048.689</b>	<b>120.540.125.025</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	21.971.371.464	14.734.603.895
Chi phí tài chính	22	30	32.661.454.658	32.556.131.358
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		32.631.676.758	32.386.753.342
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(283.967.631)	(6.710.467)
Chi phí bán hàng	25	31	3.647.944.834	6.848.536.659
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	6.014.748.433	12.690.242.090
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>73.029.304.597</b>	<b>83.173.108.346</b>
Thu nhập khác	31	33	753.599.320	1.853.591.709
Chi phí khác	32		3.080.448.483	758.504.938
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(2.326.849.163)</b>	<b>1.095.086.771</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>70.702.455.434</b>	<b>84.268.195.117</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	1.429.808.084	1.494.301.267
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		8.510.647.724	10.527.646.289
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>60.761.999.625</b>	<b>72.246.247.561</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ	61		60.761.999.625	72.246.247.561
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>35</b>	<b>1.374</b>	<b>1.634</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>36</b>	<b>1.374</b>	<b>1.634</b>

Long An, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu



Lê Thị Khả Hân

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trúc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Đạo



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
		đến 30/06/2017 VND	đến 30/06/2016 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>70.702.455.434</b>	<b>84.268.195.117</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12.173.097.522	12.687.104.271
Các khoản dự phòng	03	(4.381.580.343)	(59.444.341)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(137.242.909)	(863.402.761)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05	(17.720.172.440)	(14.703.418.936)
Chi phí lãi vay	06	32.595.521.341	32.386.753.342
Các điều chỉnh khác	07	-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>93.232.078.605</b>	<b>113.715.786.692</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	63.548.444.178	74.741.932.958
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(9.389.771.414)	(9.640.847.371)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(5.014.922.654)	10.989.117.099
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(26.265.430)	(1.118.854.393)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(20.771.011.250)	(64.606.241.733)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.288.219.605)	(2.577.139.142)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	28.164.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(42.275.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>120.290.332.430</b>	<b>121.489.643.110</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(23.612.105.541)	(8.473.913.905)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	5.300.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(141.919.798.702)	(185.796.709.092)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	130.848.153.571	95.009.236.453
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(37.660.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	43.110.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	435.453.340	32.552.900.720
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(34.248.297.332)</b>	<b>(55.958.485.824)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

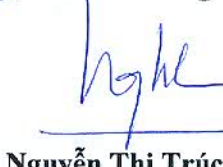
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		474.409.900.000	639.854.534.627
Tiền trả nợ gốc vay	34		(548.146.810.261)	(700.099.231.639)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(10.649.857.179)	(5.065.078.892)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(84.386.767.440)</b>	<b>(65.309.775.904)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>1.655.267.658</b>	<b>221.381.382</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>5.224.494.878</b>	<b>6.874.424.479</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		137.242.909	(610.612)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>7.017.005.445</b>	<b>7.095.195.249</b>

Long An, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

  
Lê Thị Khả Hân

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Trúc

Tổng Giám đốc



  
Nguyễn Quốc Đạo



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 1100414052 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007 và thay đổi lần thứ mười hai (12) vào ngày 14 tháng 4 năm 2014.

Trụ sở chính: Số 68 Nguyễn Trung Trực, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

Vốn điều lệ của Công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp là 443.753.850.000 đồng.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng, thương mại và dịch vụ.

**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Khai thác đất; Khai thác cát, đá, sỏi (ngoài tỉnh);
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng: Nhà ở, công trình giao thông, công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình thủy lợi; Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Bán buôn thực phẩm, nông/lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa);
- Thoát nước và xử lý nước thải; Thi công , lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước;
- Sản xuất, chế biến và kinh doanh phân bón các loại.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là thương mại và cung cấp dịch vụ. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục trong một tháng.

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là xây dựng, thương mại và dịch vụ. Các chính sách về giá, chính sách giảm giá của Công ty sẽ ảnh hưởng đến doanh thu. Ngoài ra, việc Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

**1.6 CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO**

Số lượng công ty con được hợp nhất	: 05 công ty.
Số lượng công ty liên kết được hợp nhất	: 01 công ty.
Số lượng công ty con, công ty liên kết không được hợp nhất	: 0 công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.6 CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO (TIẾP)****Danh sách các Công ty con:****1. Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương mại Hoàng Long**

Trụ sở chính : Số 68, Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An

Vốn điều lệ : 30.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100 %.

**2. Công ty TNHH MTV Vận tải và Khai thác Khoáng sản Hoàng Long**

Trụ sở chính : Số 68, Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An

Vốn điều lệ : 85.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100 %.

**3. Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Long**

Trụ sở chính : Số 68, Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An

Vốn điều lệ : 160.566.279.000 đồng.

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100 %.

**4. Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long**

Trụ sở chính : Số 149 Nguyễn Văn Cừ, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ : 70.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100 %.

**5. Công ty TNHH MTV Thực ăn Thủy sản Mekong**

Trụ sở chính : Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp

Vốn điều lệ : 100.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100 %.

**Danh sách Công ty liên kết:****Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thanh Thy**

Trụ sở chính : A-14 Lô H30 Khu Phố Mỹ Quang, P. Tân Phong, Quận 7, TP.HCM

Vốn điều lệ : 79.626.480.000 đồng.

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 30 %.

**2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****2.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông Tư 200 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****2.3 KỶ KẾ TOÁN NĂM**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

**2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau. Các báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của các Công ty con đã được soát xét bởi Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán COM.PT

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Hàng tồn kho là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty (nếu có) được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được xác định căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Đối với các tài sản cố định hoàn thành và đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao. Khi có quyết toán được duyệt sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà sẽ điều chỉnh giá trị khấu hao (tăng hoặc giảm) tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45, Thông tư số 47.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 09
Tài sản cố định khác	03
Quyền sử dụng đất	50

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20
Quyền sử dụng đất	Không thời hạn

**4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả được ghi nhận là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**4.10 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

**4.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

**4.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chi tiêu riêng như sau: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần: Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Vốn khác của Chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (khi các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của Chủ sở hữu. Giá vốn của Cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.13 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.14 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.14 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty xác định tương đối chắc chắn dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh, quyền kiểm soát (chi phối) và kế hoạch chia lợi nhuận các đơn vị nhận đầu tư.

**4.15 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**4.16 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

**4.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

##### **4.18 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN NGOẠI TỆ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế được xác định theo nguyên tắc:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

##### **4.19 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC**

###### Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh thu bán mì lát và khô dầu đậu tương của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long thuộc đối tượng không tính thuế; doanh thu chế biến thức ăn thủy sản của Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Mekong và lãi cho vay của tất cả các đơn vị trong tập đoàn thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng; doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển của Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long, kinh doanh hạ tầng của Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Hoàng Long và các doanh thu còn lại thuộc tất cả các đơn vị trong Công ty chịu thuế suất 10%.

###### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.15 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

Tất cả các đơn vị trong Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện giá trị của số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và số thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Riêng Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Mekong áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%, đồng thời trong kỳ kế toán Công ty được ưu đãi 50% số thuế phải nộp theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000153 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 08 tháng 08 năm 2014.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán là 20%. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.16 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH*****Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.16 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác và các khoản nợ.

*Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.17 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Dịch vụ của Công ty cung cấp là dịch vụ, phần lớn khách hàng sử dụng dịch vụ trọn gói, các dịch vụ tách rời và dịch vụ phụ không đáng kể, vì vậy Công ty xác định không có sự khác biệt về lĩnh vực kinh doanh cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại.

Vì vậy, báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Khoản mục không được phân bổ là chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp.

**4.18 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.18 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các Công ty được kiểm soát bởi thành viên chủ chốt của Công ty, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Tại 30/06/2017</b>	<b>Tại 01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	177.825.705	725.897.379
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.839.179.740	4.498.597.499
<b>Cộng</b>	<b>7.017.005.445</b>	<b>5.224.494.878</b>



**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a) <b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	29.000.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000
a1) <b>Ngắn hạn</b>	29.000.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	29.000.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000
a2) <b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
b) <b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	133.125.000.000	131.823.396.496	133.125.000.000	132.107.364.128
Đầu tư vào công ty liên kết (**)	133.125.000.000	131.823.396.496	133.125.000.000	132.107.364.128
Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Dịch vụ Thanh Thy	133.125.000.000	131.823.396.496	133.125.000.000	132.107.364.128

(\*) Chi tiết số dư tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30/06/2017 như sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn 8 tháng tại ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Đồng Tháp số tiền 3.450.000.000 đồng, lãi suất 7,5%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Đồng Tháp số tiền 25.550.000.000 đồng, lãi suất 7,5%.

(\*\*) Khoản đầu tư vào công ty liên kết với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết là 30%.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

Số 68 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 30/06/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>500.167.870.820</b>	<b>448.134.199.255</b>
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	17.836.100.047	11.981.382.907
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	239.753.550.906	130.879.937.385
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy Sản Hoàng Long	51.273.862.458	156.407.851.964
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	4.274.990.710	21.892.723.715
Công ty TNHH Hoàn Cầu Đồng Tháp Bà Phạm Huyền Trang	41.643.350.000	22.167.932.700
Công ty Cổ phần Bao bì Gia Phát	8.856.725.000	8.856.725.000
Ngô Thành Tâm	1.320.454.370	8.317.009.108
Công ty Cổ phần Indeco	18.078.092.000	1.842.592.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	4.022.418.313	4.022.418.313
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>321.995.229.121</b>	<b>330.018.620.971</b>
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	17.836.100.047	11.981.382.907
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	239.753.550.906	130.879.937.385
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy Sản Hoàng Long	51.273.862.458	156.407.851.964
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	4.274.990.710	21.892.723.715
Bà Phạm Huyền Trang	8.856.725.000	8.856.725.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

Số 68 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Tỉnh Long An

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Trả trước người bán ngắn hạn</b>	<b>22.101.837.253</b>	<b>(368.272.994)</b>	<b>57.702.563.898</b>	<b>(368.272.994)</b>
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	-	-	23.457.279.163	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	12.426.815.500	-	15.919.346.581	-
Công ty TNHH Bách khoa Á Châu	-	-	5.722.050.000	-
Muyang Holdings Co., LTD	5.047.425.000	-	5.047.425.000	-
Xí nghiệp Ô tô Toyota Bến Thành	-	-	2.245.000.000	-
Các đối tượng khác	4.627.596.753	(368.272.994)	5.311.463.154	(368.272.994)
<b>Trả trước người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Trả trước người bán là các bên liên quan</b>	<b>12.426.815.500</b>	<b>-</b>	<b>39.376.625.744</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	-	-	23.457.279.163	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	12.426.815.500	-	15.919.346.581	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Tại 30/06/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>395.821.315.605</b>	<b>384.749.670.474</b>
<i>Phải thu ngắn hạn tiền cho mượn</i>	<i>11.686.715.548</i>	<i>37.355.070.417</i>
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	8.500.011.000	-
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Tấn Điền (1)	479.953.744	779.953.744
Công ty TNHH Thương mại An Thịnh	914.750.804	914.750.804
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thanh Thy (1)	542.000.000	542.000.000
Ông Mai Tiến Dũng (1)	150.000.000	150.000.000
Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	100.000.000	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản Hoàng Long	1.000.000.000	34.968.365.869
<i>Phải thu ngắn hạn tiền cho vay</i>	<i>384.134.600.057</i>	<i>347.394.600.057</i>
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản Hoàng Long (2)	384.134.600.057	347.394.600.057
<b>b) Dài hạn</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản Hoàng Long - cho vay (3)	80.000.000.000	80.000.000.000
<b>Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b>	<b>473.734.611.057</b>	<b>427.394.600.057</b>
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	8.500.011.000	-
Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	100.000.000	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản Hoàng Long	465.134.600.057	427.394.600.057

- (1) Các khoản tiền cho mượn này đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với tỷ lệ 100%.
- (2) Số dư khoản cho Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long vay ngắn hạn tại ngày 30/06/2017 là khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn ngày 01/01/2016, lãi suất cho vay tại thời điểm 30/06/2017 là 8%/năm, hình thức đảm bảo: tín chấp.
- (3) Số dư khoản cho Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long vay dài hạn tại ngày 30/06/2017 là khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn ngày 01/01/2016, lãi suất cho vay tại thời điểm 30/06/2017 là 8%/năm, hình thức đảm bảo: tín chấp, thời hạn vay đến 31/12/2018.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

Số 68 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Tỉnh Long An

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

**10. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>82.436.324.919</b>	<b>(2.011.197.352)</b>	<b>110.502.997.902</b>	<b>(1.742.611.598)</b>
Phải thu Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản	61.537.329.642	-	86.921.914.925	-
+ Tiền lãi cho vay	43.820.650.791	-	42.183.174.274	-
+ Lợi nhuận	17.716.678.851	-	17.716.678.851	-
+ Thanh toán hộ tiền hàng	-	-	27.022.061.800	-
Phải thu tiền lãi cho các cá nhân vay	10.128.791.679	-	10.134.199.027	-
Phải thu Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Cadovimex II	3.000.000.000	-	6.304.018.668	-
Phải thu Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy Sản	481.560.000	-	-	-
Tạm ứng	3.143.959.054	(315.469.000)	3.132.588.651	(315.469.000)
Ký quỹ, ký cược	444.617.316	-	265.337.316	-
Phải thu khác	3.700.067.228	(1.695.728.352)	3.744.939.315	(1.427.142.598)
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>	<b>2.515.044.705</b>	<b>-</b>	<b>3.564.294.705</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	2.515.044.705	-	3.564.294.705	-
<b>Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>65.018.889.642</b>	<b>-</b>	<b>93.225.933.593</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản Hoàng Long	61.537.329.642	-	86.921.914.925	-
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu	3.000.000.000	-	6.304.018.668	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy Sản Hoàng	481.560.000	-	-	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. NỢ XẤU**

	Tại 30/06/2017			Tại 01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND		VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>	<b>31.832.789.221</b>	<b>(20.607.765.435)</b>	<b>11.225.023.786</b>	<b>35.572.757.704</b>	<b>(24.989.345.778)</b>	<b>10.583.411.926</b>
Ông Nguyễn Tấn Trung	1.213.862.985	(1.213.862.985)	-	1.712.786.117	(1.712.786.117)	-
Công ty CP Thực Phẩm An Long	1.600.000.000	(1.600.000.000)	-	1.600.000.000	(1.600.000.000)	-
Ông Nguyễn Nhật Linh	578.375.525	(578.375.525)	-	1.504.029.470	(1.504.029.470)	-
Bà Mai Thị Thu	546.895.320	(546.895.320)	-	1.506.841.560	(1.506.841.560)	-
Ông Trần Quý Lương	-	-	-	728.550.000	(728.550.000)	-
Ông Đặng Hoàng Phương	-	-	-	662.904.000	(662.904.000)	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Tấn Điền	479.953.744	(479.953.744)	-	779.953.744	(779.953.744)	-
Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Quốc tế	4.322.418.313	(3.161.209.156)	1.161.209.157	4.322.418.313	(3.161.209.156)	1.161.209.157
Ông Trần Minh Tuấn	1.706.264.000	(81.132.000)	1.625.132.000	1.706.264.000	(81.132.000)	1.625.132.000
Ông Ngô Văn Thiện	5.176.538.328	(371.009.535)	4.805.528.793	4.840.529.494	(371.009.535)	4.469.519.959
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú	3.382.017.073	(1.003.143.375)	2.378.873.698	3.382.017.073	(1.003.143.375)	2.378.873.698
Các khoản khác	12.826.463.933	(11.572.183.795)	1.254.280.138	12.826.463.933	(11.877.786.821)	948.677.112



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**12. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	23.928.318.512	-	17.274.045.583	-
Công cụ, dụng cụ	2.420.192.458	-	2.841.963.622	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.251.295.391	-	382.810.224	-
Thành phẩm	18.340.694.381	-	15.934.418.680	-
Thành phẩm bất động sản	26.514.591.250	-	26.980.611.014	-
Hàng hóa	1.290.501.400	(361.905.429)	2.223.726.400	(361.905.429)
<b>Cộng</b>	<b>74.745.593.392</b>	<b>(361.905.429)</b>	<b>65.637.575.523</b>	<b>(361.905.429)</b>

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 30/06/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.582.880.803</b>	<b>3.328.624.495</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	601.551.663	597.514.004
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.162.391.056	1.970.182.590
Chi phí bảo hiểm	535.401.569	760.927.901
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	283.536.515	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>7.234.977.655</b>	<b>6.462.968.533</b>
Tiền thuê đất tại NM nước ngầm và Cụm công nghiệp Long Cang	3.131.192.105	3.171.113.189
Công cụ dụng cụ xuất dùng	606.010.757	530.341.138
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	3.289.494.753	2.761.514.206
Chi phí trả trước dài hạn khác	208.280.040	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>142.921.857.686</b>	<b>144.707.284.052</b>	<b>32.415.934.378</b>	<b>1.348.807.953</b>	<b>408.600.000</b>	<b>321.802.484.069</b>
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	10.565.177.076	-	-	-	10.565.177.076
Mua trong kỳ	836.756.000	3.785.033.105	1.439.932.728	107.353.000	-	6.169.074.833
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(13.450.029.052)	-	-	(13.450.029.052)
<b>Tại 30/06/2017</b>	<b>143.758.613.686</b>	<b>159.057.494.233</b>	<b>20.405.838.054</b>	<b>1.456.160.953</b>	<b>408.600.000</b>	<b>325.086.706.926</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>11.251.189.725</b>	<b>36.539.092.554</b>	<b>20.401.835.729</b>	<b>1.073.619.114</b>	<b>408.600.000</b>	<b>69.674.337.122</b>
Khấu hao trong năm	1.535.799.446	5.518.824.282	1.239.399.119	43.392.026	-	8.337.414.873
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(10.645.687.196)	-	-	(10.645.687.196)
<b>Tại 30/06/2017</b>	<b>12.786.989.171</b>	<b>42.057.916.836</b>	<b>10.995.547.652</b>	<b>1.117.011.140</b>	<b>408.600.000</b>	<b>67.366.064.799</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>131.670.667.961</b>	<b>108.168.191.498</b>	<b>12.014.098.649</b>	<b>275.188.839</b>	<b>-</b>	<b>252.128.146.947</b>
<b>Tại 30/06/2017</b>	<b>130.971.624.515</b>	<b>116.999.577.397</b>	<b>9.410.290.402</b>	<b>339.149.813</b>	<b>-</b>	<b>257.720.642.127</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: 277.796. 867.733 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30/06/2017 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.641.249.862 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại 01/01/2017	61.933.181.824	61.933.181.824
Mua trong kỳ	10.569.545.460	10.569.545.460
Thanh lý trong kỳ	(19.267.590.930)	(19.267.590.930)
Tại 30/06/2017	<u>53.235.136.354</u>	<u>53.235.136.354</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
Tại 01/01/2017	10.300.763.636	10.300.763.636
Hao mòn trong kỳ	3.632.675.319	3.632.675.319
Thanh lý trong kỳ	(5.877.952.965)	(5.877.952.965)
Tại 30/06/2017	<u>8.055.485.990</u>	<u>8.055.485.990</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2017	<u>51.632.418.188</u>	<u>51.632.418.188</u>
Tại 30/06/2017	<u>45.179.650.364</u>	<u>45.179.650.364</u>

**16. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại 01/01/2017	2.793.122.628	2.793.122.628
Tại 30/06/2017	<u>2.793.122.628</u>	<u>2.793.122.628</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
Tại 01/01/2017	549.314.116	549.314.116
- Khấu hao trong năm	27.931.224	27.931.224
Tại 30/06/2017	<u>577.245.340</u>	<u>577.245.340</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2017	<u>2.243.808.512</u>	<u>2.243.808.512</u>
Tại 30/06/2017	<u>2.215.877.288</u>	<u>2.215.877.288</u>

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 786, tờ bản đồ số 5 xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An. Giá trị quyền sử dụng đất này đã được sử dụng để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Long An.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>3.501.522.110</b>	<b>3.501.522.110</b>
<b>Tại 30/06/2017</b>	<b>3.501.522.110</b>	<b>3.501.522.110</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>2.753.199.177</b>	<b>2.753.199.177</b>
Khấu hao trong năm	175.076.106	175.076.106
<b>Tại 30/06/2017</b>	<b>2.928.275.283</b>	<b>2.928.275.283</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>748.322.933</b>	<b>748.322.933</b>
<b>Tại 30/06/2017</b>	<b>573.246.827</b>	<b>573.246.827</b>



## 18. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	<b>75.692.520.246</b>	<b>69.241.740.474</b>	<b>75.676.820.246</b>	<b>69.413.060.520</b>
Khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	41.871.460.559	41.871.460.559	41.871.460.559	41.871.460.559
Khu tái định cư, khu biệt thự nhà vườn An Thạnh (*)	19.858.029.188	13.594.269.462	19.858.029.188	13.594.269.462
Công trình Công ty Thanh Mỹ	8.023.346.062	8.023.346.062	8.023.346.062	8.023.346.062
Công trình Khu dân cư Long Kim 2 - giai đoạn 2	3.532.581.422	3.532.581.422	3.532.581.422	3.532.581.422
Hệ thống đường ống Nhà máy xử lý nước thải Long Cang	1.369.426.280	1.182.406.234	1.369.426.280	1.369.426.280
Cụm công nghiệp Hoàng Long- Long Cang	175.839.481	175.839.481	175.839.481	175.839.481
Chi phí sản xuất kinh doanh khác	861.837.254	861.837.254	846.137.254	846.137.254

(\*) Chi phí xây dựng khu tái định cư biệt thự nhà vườn An Thạnh tại ngày 30/06/2017 như sau: Giá gốc là 19.858.029.188 đồng, giá trị dự phòng là 6.263.759.726 đồng và giá trị thuần là 13.594.269.462 đồng.

	Tại 30/06/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
<b>b) Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>6.468.347.093</b>	<b>905.493.461</b>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>592.460.569</i>	<i>541.404.848</i>
Xây dựng đường ống cấp nước	592.460.569	541.404.848
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	<i>5.640.537.181</i>	<i>147.239.270</i>
Hệ thống dây chuyền thiết bị chế biến thức ăn cá hoàn chỉnh và đồng bộ	5.640.537.181	147.239.270
<i>Sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	<i>235.349.343</i>	<i>216.849.343</i>
Sửa chữa đường ống cấp nước	235.349.343	216.849.343



## 19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>224.335.894.071</b>	<b>224.335.894.071</b>	<b>185.725.811.356</b>	<b>185.725.811.356</b>
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Thạnh Đông	17.351.648.450	17.351.648.450	10.331.690.100	10.331.690.100
Bà Hồ Thị Kim Thoa	7.129.425.000	7.129.425.000	15.785.169.996	15.785.169.996
Ông Đinh Văn Căn	9.813.132.200	9.813.132.200	26.316.479.400	26.316.479.400
Ông Nguyễn Hoàng Vũ	-	-	15.735.289.341	15.735.289.341
Công ty TNHH Hữu Sáng	17.498.298.939	17.498.298.939	16.535.178.099	16.535.178.099
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	13.388.496.709	13.388.496.709	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	13.252.424.300	13.252.424.300	-	-
Chia Tung Development Corp., Ltd	7.455.776.922	7.455.776.922	7.459.051.308	7.459.051.308
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	349.945.640	349.945.640	1.494.913.140	1.494.913.140
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	36.615.157.410	36.615.157.410	13.057.975.930	13.057.975.930
Công ty TNHH MTV Thương mại Hải Long Hoa	5.997.306.000	5.997.306.000	6.193.988.000	6.193.988.000
Các đối tượng khác	95.484.282.501	95.484.282.501	72.816.076.042	72.816.076.042
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>26.640.921.009</b>	<b>26.640.921.009</b>	<b>3.857.848.703</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	13.388.496.709	13.388.496.709	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	13.252.424.300	13.252.424.300	-	-
Công ty TNHH Thương Mại An Thịnh	-	-	3.857.848.703	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

Số 68 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<b>Tại 30/06/2017</b>	<b>Tại 01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>29.412.501.168</b>	<b>20.319.637.471</b>
Ban QLDA Công trình Ngành Nông nghiệp - Sở Nông nghiệp & PTNT Tỉnh Đồng Tháp	3.306.069.000	3.306.069.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	-	5.062.400.015
Ông Trần Văn Hướng	4.174.884.692	-
Ông Nguyễn Văn Liêm	600	5.146.271.442
Ông Nguyễn Chí Hân	335.138.184	2.011.226.800
Các đối tượng khác	21.596.408.692	4.793.670.214
<b>Dài hạn</b>	<b>7.851.274.545</b>	<b>7.851.274.545</b>
Ông Vũ Văn An	612.400.000	612.400.000
Bà Nguyễn Thị Tú Anh	1.354.800.000	1.354.800.000
Các đối tượng khác	5.884.074.545	5.884.074.545
<b>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>5.062.400.015</b>
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	-	5.062.400.015



## 21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 30/06/2017
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
Thuế GTGT đầu ra	1.863.211.511	4.475.786.535	6.035.162.056	303.835.990
Thuế TNDN	1.492.432.943	1.429.808.084	1.288.219.605	1.634.021.422
Thuế TNCN	711.870.328	459.161.761	418.841.841	752.190.248
Thuế tài nguyên	33.498.957	216.441.031	212.247.444	37.692.544
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	58.719.199	58.719.199	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	896.948.482	52.250.598	53.408.970	895.790.110
<b>Cộng</b>	<b>4.997.962.221</b>	<b>6.713.167.208</b>	<b>8.087.599.115</b>	<b>3.623.530.314</b>
<b>b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>				
Thuế GTGT đầu ra	133.708.161		40.699.965	174.408.126
Thuế thu nhập doanh nghiệp	310.101.859	-	-	310.101.859
Thuế thu nhập cá nhân	1.119.371	1.119.371	-	-
<b>Cộng</b>	<b>444.929.391</b>	<b>1.119.371</b>	<b>40.699.965</b>	<b>484.509.985</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 30/06/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.270.061.116</b>	<b>1.878.712.408</b>
Chi phí lãi vay	361.981.034	586.894.226
Trích trước chi phí san lấp Khu công nghiệp Long Cang	1.181.818.182	1.181.818.182
Chi phí phải trả khác	726.261.900	110.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>17.231.895.670</b>	<b>17.231.895.670</b>
Trích trước chi phí Dự án Long Kim 2	17.231.895.670	17.231.895.670

(\*) Khu dân cư Long Kim 2 do Công ty Cổ phần Hoàng Long – Long An (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long) làm chủ đầu tư. Theo quy hoạch, khu dân cư có tổng diện tích đất 240.452 m<sup>2</sup>, thuộc địa bàn thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Chủ đầu tư dự án đã được giao đất theo quyết định số 4586/QĐ-UB ngày 15/11/2004 và phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 21/5/2007 của UBND tỉnh Long An. Theo đó, dự án đáp ứng các chỉ tiêu của đô thị loại 4, với quy mô dân số 4.500 người.

Được khởi công xây dựng từ năm 2007, đến nay tại Long Kim 2 cơ sở hạ tầng kỹ thuật dự án đã hoàn thành cơ bản, chủ đầu tư đã mở bán các nền nhà cho khách hàng có nhu cầu. Tuy nhiên, còn một số hạng mục chưa được xây dựng hoặc mới hoàn thành các khu vực đã phủ dân cư. Để đảm bảo tính đủ doanh thu tương ứng giá vốn đã bán, Công ty trích thêm chi phí phải thực hiện cho các hạng mục chưa thực hiện hoặc chưa hoàn thành trên cơ sở dự toán hạng mục đã được phê duyệt.

**23. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Tại 30/06/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>65.246.398.572</b>	<b>85.735.893.000</b>
Phải trả KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	1.952.314.390	2.127.062.431
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	154.312.500
Phải trả lãi vay	45.195.615.039	67.545.265.626
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Đồng Tháp	35.103.671.567	57.453.322.154
- Ngân hàng TMCP Việt Á	10.091.943.472	10.091.943.472
Phải trả Công ty CP Nước giải khát Hoàng Long Mywaone - tiền chuyển nhượng cổ phần	4.120.868.585	4.120.868.585
Phải trả Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long - mượn tiền	3.546.110.400	3.546.110.400
Phải trả Ông Phạm Phúc Toại - mượn tiền	1.546.504.294	468.535.424
Phải trả Bà Lê Thanh Tuyên - lợi nhuận phải trả	4.125.525.684	4.125.525.684
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.759.460.180	3.648.212.350
<b>Dài hạn</b>	<b>875.472.291</b>	<b>1.275.291.984</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	875.472.291	1.275.291.984



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Tại 01/01/2017		Trong năm		Tại 30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	VND	VND	nợ VND
<b>a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>332.727.867.131</b>	<b>332.727.867.131</b>	<b>532.060.650.338</b>	<b>521.643.848.773</b>	<b>343.144.668.696</b>	<b>343.144.668.696</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>292.534.580.331</b>	<b>292.534.580.331</b>	<b>474.409.900.000</b>	<b>517.058.180.331</b>	<b>249.886.300.000</b>	<b>249.886.300.000</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Long An (1)	42.018.304.750	42.018.304.750	47.580.900.000	60.058.904.750	29.540.300.000	29.540.300.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Đồng Tháp (2)	174.096.275.581	174.096.275.581	226.091.000.000	229.841.275.581	170.346.000.000	170.346.000.000
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Kim Hoàng Long (3)	-	-	200.598.000.000	200.598.000.000	-	-
Công ty CP Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy Sản Cadovimex II (4)	1.420.000.000	1.420.000.000	140.000.000	1.560.000.000	-	-
Ông Đỗ Thanh Tùng (5)	75.000.000.000	75.000.000.000	-	25.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>40.193.286.800</b>	<b>40.193.286.800</b>	<b>57.650.750.338</b>	<b>4.585.668.442</b>	<b>93.258.368.696</b>	<b>93.258.368.696</b>
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Phòng giao dịch Huỳnh Văn Bánh	35.000.000.000	35.000.000.000	48.640.256.238	-	83.640.256.238	83.640.256.238
	5.193.286.800	5.193.286.800	9.010.494.100	4.585.668.442	9.618.112.458	9.618.112.458



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	Tại 01/01/2017		Trong năm		Tại 30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	VND	VND	nợ VND
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>521.729.583.237</b>	<b>521.729.583.237</b>	<b>9.254.545.460</b>	<b>94.676.343.265</b>	<b>436.307.785.432</b>	<b>436.307.785.432</b>
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Đồng Tháp (6)	496.716.131.910	496.716.131.910	-	79.514.660.428	417.201.471.482	417.201.471.482
Ngân hàng TMCP Tiền Phong - Phòng giao dịch Đô Thành (7)	855.500.000	855.500.000	-	87.000.000	768.500.000	768.500.000
Nợ thuê tài chính	24.157.951.327	24.157.951.327	9.254.545.460	15.074.682.837	18.337.813.950	18.337.813.950

(1.1) Hợp đồng cho theo hạn mức số 01/CV/0027/KHDN/16LD ngày 16/05/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

Hạn mức tín dụng: 47.615.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh, chế biến thủy hải sản; sản xuất thức ăn thủy sản, bán buôn: thực phẩm, nông, lâm sản nguyên liệu và kinh doanh phân bón các loại,... Thời hạn vay: Không quá 9 tháng từ thời điểm nhận nợ; Lãi suất vay: ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể;

Các hình thức đảm bảo tiền vay:

- + Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 066542 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 09/10/2006, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: T00957;
- + Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 159389 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 31/12/2008, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: T03192;
- + Tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 808032799148728 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 07/10/2009. Hồ sơ gốc: HSG.79;
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 389970 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 11/09/2015, số vào sổ cấp GCN: CT25582;
- + Các tài sản đảm bảo khác được nêu cụ thể trong Hợp đồng bảo đảm số 0138/NHNT-TDC/TD14 ngày 11/09/2014; 0020/NHNT-KHDN/BL15 ngày 18/09/2015; 0021/NHNT;KHDn/TC15 ngày 18/09/2015 và hợp đồng bảo đảm khác phát sinh trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng tín dụng này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(1.2) Vay ngắn hạn ngân hàng Ngoại thương -CN Long An theo hợp đồng tín dụng số 0016/TDC/14LD ngày 10/02/2014 với hạn mức cho vay đến ngày 30/06/2017 là 30.000.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá và kinh doanh nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản. Lãi suất cho vay được thỏa thuận trên cơ sở thông báo lãi suất cho vay tại thời điểm bên vay nhận nợ, tại từng thời điểm nhận nợ, lãi suất được hai bên thống nhất trên giấy nhận nợ.

(2) Hợp đồng tín dụng số 450/2013/HĐHM/NH-PN/PGBank\_ĐT ngày 30/12/2013 giữa Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Đồng Tháp với Công Ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong với các điều khoản sau:

Hạn mức tín dụng: 350.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, mở thanh toán L/C, phát hành bảo lãnh trong nước nhưng không bao gồm các khoản bảo lãnh vay vốn tại các Tổ chức hoặc cá nhân khác.

Thời hạn vay: 6 tháng kể từ ngày nhận nợ; Lãi suất vay: 7,5%/năm; Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 170.346.000.000 đồng;

Các hình thức đảm bảo tiền vay: dùng toàn bộ tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty làm tài sản bảo đảm cho nợ vay.

(3) Vay Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long theo Hợp đồng vay vốn số 02/01/2015 và phụ lục hợp đồng vay vốn ngày 02/01/2017, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay này tạm thời không tính lãi.

(4) Vay Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II theo Hợp đồng vay vốn số 02/01/2015 và phụ lục hợp đồng ngày 02/01/2017, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay này tạm thời không tính lãi.

(5.1) Hợp đồng tín dụng số 01/HĐMV/2016-MK-ĐTT ngày 04/05/2016 giữa Ông Đỗ Thanh Tùng với Công Ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong với các điều khoản sau:

Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;

Lãi suất vay: 15%/năm; Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 50.000.000.000 đồng;

(5.2) Hợp đồng tín dụng số 01B/HĐMV/2016-MK-ĐTT ngày 14/06/2016 giữa Ông Đỗ Thanh Tùng với Cty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong với các điều khoản sau:

Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 đồng; Thời hạn vay: 3 tháng kể từ ngày nhận nợ;

Lãi suất vay: 15%/năm; Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 50.000.000.000 đồng;

(6.1) Hợp đồng tín dụng số 439/2013/HĐTD/TH-PN/PGBank\_ĐT ngày 25/12/2013 giữa Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Đồng Tháp với Công Ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong với các điều khoản sau:

Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư tài sản cố định (Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, máy móc thiết bị nhà máy chế biến thức ăn thủy sản của Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản Hoàng Long) theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, Hợp đồng mua bán tài sản ký ngày 05/09/2013 giữa Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long và Công ty TNHH MTV Thức Ăn Thủy sản Mekong;

Thời hạn vay: 3 năm, Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 12/03/2015 về việc điều chỉnh một số nội dung của Phương án cơ cấu nợ theo Nghị quyết số 20/2014/NQ-HĐQT-PGB ngày 10/10/2014 cho Công ty TNHH Thức Ăn Thủy sản Mekong ân hạn trả nợ gốc bắt đầu từ năm 2017 đến hết quý 1/2021 với số tiền là 90 tỷ đồng;

Lãi suất vay: 8,5%/năm; Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 90.000.000.000 đồng, số đến hạn trả là 22.500.000.000 đồng;

Các hình thức đảm bảo tiền vay: quyền sử dụng đất, nhà xưởng sản xuất nhà máy chế biến thức ăn thủy sản và các công trình phụ trợ của bên thứ 3 là Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long và dây chuyền máy móc thiết bị thuộc nhà máy chế biến thức ăn của Công ty TNHH Thức Ăn Thủy sản Mekong;

- (6.2) Hợp đồng tín dụng số 450/2013/HĐHM/NH-PN/PGBank\_ĐT ngày 30/12/2013 giữa Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Đồng Tháp với Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong (khoản vay được cơ cấu lại từ ngắn hạn sang dài hạn), với các điều khoản chi tiết sau:

Gốc vay cơ cấu lại: 164.262.022.000 đồng; Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư tài sản cố định (Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, máy móc thiết bị nhà máy);

Thời hạn của hợp đồng: 8 năm; Theo Nghị quyết HĐQT ngày 12/3/2015 về việc điều chỉnh một số nội dung của Phương án cơ cấu nợ theo Nghị quyết số 20/2014/NQ-HĐQT-PGB. Ngày 10/10/2014 cho Công ty TNHH Thủy sản Mekong ân hạn trả gốc bắt đầu từ năm 2017 theo quý đến hết quý 1/2020 đối với khoản nợ gốc 164.262.022.000 đồng;

Lãi suất cho vay: từ 10,5 %/năm đến 12,5%/năm; Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 159.952.822.000 đồng; Các hình thức bảo đảm tiền vay: dùng tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình làm tài sản đảm bảo.

- (7) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong, PGD Đô Thành với số tiền vay là 870.000.000 đồng. Mục đích là để mua một xe ô tô hiệu FORD TRANSIT DCAR mới 100% phiên bản 2017 để phục vụ mục đích kinh doanh vận tải với lãi suất 8,2%/năm áp dụng trong 18 tháng đầu. Thời hạn cho vay là 60 tháng.

Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay: 01 xe Forrd Transit Dcar mới 100%, sản xuất lắp ráp tại Việt Nam hình thành từ vốn vay theo HĐMB số 212/SGP -HL giữa Công ty TNHH Taxi Sài Gòn Hoàng Long và CTCP Sài Gòn Phụ Tùng OTO ngày 20/10/2016.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại 01/01/2016	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	(105.533.608.893)	367.199.984.183
Lãi trong năm				140.982.813.349	140.982.813.349
Giảm khác				(808.381.833)	(808.381.833)
Tại 31/12/2016	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	34.640.822.623	507.374.415.699
Tại 01/01/2017	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	34.640.822.623	507.374.415.699
Lãi trong năm				60.761.999.625	60.761.999.625
Tại 30/06/2017	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	95.402.822.248	568.136.415.324



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Chủ sở hữu	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Bà Lê Ngọc Ánh	34,7%	154.176.750.000	34,7%	154.176.750.000
Ông Phạm Phúc Toại	25,1%	111.331.970.000	25,1%	111.331.970.000
Ông Lê Tuấn Kiệt	6,8%	30.017.500.000	6,8%	30.017.500.000
Cổ phiếu quỹ	0,3%	1.500.000.000	0,3%	1.500.000.000
Các cổ đông khác	33,1%	146.727.630.000	33,1%	146.727.630.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>100%</b>	<b>443.753.850.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	443.753.850.000	443.753.850.000
- Vốn góp đầu năm	443.753.850.000	443.753.850.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	443.753.850.000	443.753.850.000

**d) Cổ phiếu**

	Tại 30/06/2017	Tại 01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	44.375.385	44.375.385
+ Cổ phiếu phổ thông	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phiếu được mua lại	150.000	150.000
+ Cổ phiếu phổ thông	150.000	150.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	44.225.385	44.225.385
+ Cổ phiếu phổ thông	44.225.385	44.225.385
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	Tại 30/06/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	36.479.743.076	36.479.743.076
<b>Cộng</b>	<b>36.479.743.076</b>	<b>36.479.743.076</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**26. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>1.609.508.331.183</b>	<b>1.509.859.943.349</b>
Doanh thu kinh doanh thương mại	327.639.102.640	397.632.722.649
Doanh thu kinh doanh bất động sản	330.568.182	790.939.636
Doanh thu hoạt động xây lắp	265.295.989	5.771.383.636
Doanh thu cung cấp nước	4.329.059.269	4.605.080.912
Doanh thu hoạt động taxi	17.636.541.834	30.144.884.704
Doanh thu kinh doanh thức ăn, nuôi trồng và chế biến thủy sản	1.258.078.660.765	1.070.210.982.719
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.229.102.504	703.949.093
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>643.877.450.996</b>	<b>962.649.759.345</b>

**27. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chiết khấu thương mại	211.650.000	3.267.602.500
Giảm giá hàng bán	125.827.000	10.359.855
Hàng bán bị trả lại	1.909.091	434.475.552
<b>Cộng</b>	<b>339.386.091</b>	<b>3.712.437.907</b>

**28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn hoạt động thương mại	289.591.132.730	340.335.583.357
Giá vốn hoạt động bất động sản	293.796.832	97.642.758
Giá vốn hoạt động xây lắp	160.072.194	5.876.236.121
Giá vốn cung cấp nước	2.943.481.051	2.817.347.492
Giá vốn hoạt động taxi	17.006.779.977	26.973.331.288
Giá vốn kinh doanh thức ăn, nuôi trồng và chế biến thủy sản	1.204.749.020.577	1.008.918.626.359
Giá vốn dịch vụ khác	758.613.042	588.613.042
<b>Cộng</b>	<b>1.515.502.896.403</b>	<b>1.385.607.380.417</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.132.550.607	13.296.540.104
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.661.249.934	435.866.044
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	40.328.014	138.794.986
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	137.242.909	863.402.761
<b>Cộng</b>	<b>21.971.371.464</b>	<b>14.734.603.895</b>

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền vay	32.631.676.758	32.386.753.342
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	55.360.044
Lãi ký quỹ tài xế taxi	18.166.800	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	7.015.609	114.017.972
Chi phí hoạt động tài chính khác	4.595.491	-
<b>Cộng</b>	<b>32.661.454.658</b>	<b>32.556.131.358</b>

**31. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nhân công	1.070.784.242	668.851.988
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.029.600	82.569.778
Chi phí cầu đường	55.376.500	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.299.160.963	860.565.296
Chi phí bằng tiền khác	1.192.593.529	5.236.549.597
<b>Cộng</b>	<b>3.647.944.834</b>	<b>6.848.536.659</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	7.152.685.251	7.810.719.706
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	126.135.818	215.899.412
Chi phí khấu hao tài sản cố định	578.578.719	499.800.650
Thuế, phí và lệ phí	128.198.584	118.694.318
Hoàn nhập dự phòng	(4.381.039.445)	(30.675.353)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	915.742.574	2.171.441.556
Chi phí khác bằng tiền	1.340.055.787	1.904.361.801
Chi phí không được quyết toán	154.391.145	-
<b>Cộng</b>	<b>6.014.748.433</b>	<b>12.690.242.090</b>

**33. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	501.225.607	1.293.885.052
Phí đo đạc đất	43.491.817	-
Thu nhập khác	208.881.896	559.706.657
<b>Cộng</b>	<b>753.599.320</b>	<b>1.853.591.709</b>

**34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	1.429.808.084	1.494.301.267
<b>Cộng</b>	<b>1.429.808.084</b>	<b>1.494.301.267</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	60.761.999.625	72.246.247.561
Số điều chỉnh tăng (VND)	-	-
Số điều chỉnh giảm (VND)	-	-
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	60.761.999.625	72.246.247.561
Số bình quân gia quyền cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	44.225.385	44.225.385
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>1.374</b>	<b>1.634</b>

**36. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	60.761.999.625	72.246.247.561
Số điều chỉnh tăng (VND)	-	-
Số điều chỉnh giảm (VND)	-	-
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	60.761.999.625	72.246.247.561
Số bình quân gia quyền cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	44.225.385	44.225.385
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm (CP)	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>1.374</b>	<b>1.634</b>

**37. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	555.844.105.755	561.860.767.029
Chi phí nhân công	15.522.624.940	22.965.375.095
Chi phí công cụ, đồ dùng	19.838.696.143	-
Khấu hao tài sản cố định	11.385.826.845	12.687.104.271
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.591.802.688	14.044.713.756
Chi phí bằng tiền khác	7.043.896.347	15.270.688.426
<b>Cộng</b>	<b>622.226.952.718</b>	<b>626.828.648.577</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Tại 30/06/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.017.005.445	5.224.494.878
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	29.000.000.000	29.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	564.511.475.009	537.212.146.084
Tài sản tài chính khác	475.821.315.605	464.749.670.474
<b>Cộng</b>	<b>1.076.349.796.059</b>	<b>1.036.186.311.436</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	779.452.454.128	854.457.450.368
Phải trả người bán và phải trả khác	290.457.764.934	272.736.996.340
Chi phí phải trả	19.501.956.786	19.110.608.078
<b>Cộng</b>	<b>1.089.412.175.848</b>	<b>1.146.305.054.786</b>

Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro tỷ giá**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Tài sản tài chính	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 30/06/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.017.005.445	-	7.017.005.445
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	29.000.000.000	-	29.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	561.996.430.304	2.515.044.705	564.511.475.009
Tài sản tài chính khác	395.821.315.605	80.000.000.000	475.821.315.605
<b>Cộng</b>	<b>993.834.751.354</b>	<b>82.515.044.705</b>	<b>1.076.349.796.059</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.224.494.878	-	5.224.494.878
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	29.000.000.000	-	29.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	533.647.851.379	3.564.294.705	537.212.146.084
Tài sản tài chính khác	384.749.670.474	80.000.000.000	464.749.670.474
<b>Cộng</b>	<b>952.622.016.731</b>	<b>83.564.294.705</b>	<b>1.036.186.311.436</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng ( trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc ) như sau:

<b>Nợ phải trả tài chính</b>	<b>Từ 01 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 01 năm đến 05 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Tại 30/06/2017</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	343.144.668.696	436.307.785.432	779.452.454.128
Phải trả người bán và phải trả khác	287.629.978.253	875.472.291	288.505.450.544
Chi phí phải trả	2.270.061.116	17.231.895.670	19.501.956.786
<b>Cộng</b>	<b>633.044.708.065</b>	<b>454.415.153.393</b>	<b>1.087.459.861.458</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	332.727.867.131	521.729.583.237	854.457.450.368
Phải trả người bán và phải trả khác	269.334.641.925	1.275.291.984	270.609.933.909
Chi phí phải trả	1.878.712.408	17.231.895.670	19.110.608.078
<b>Cộng</b>	<b>603.941.221.464</b>	<b>540.236.770.891</b>	<b>1.144.177.992.355</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**39. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: hoạt động kinh doanh thương mại, chế biến thức ăn thủy sản, cung cấp dịch vụ taxi và các hoạt động khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**38. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017	Hoạt động kinh doanh thức ăn, nuôi trồng và chế biến thủy sản VND	Hoạt động thương mại VND	Kinh doanh taxi VND	Kinh doanh các hoạt động khác VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	1.257.741.183.765	327.639.102.640	17.802.214.565	6.325.830.213	1.609.508.331.183
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận					-
<b>Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.257.741.183.765</b>	<b>327.639.102.640</b>	<b>17.802.214.565</b>	<b>6.325.830.213</b>	<b>1.609.508.331.183</b>
Chi phí bộ phận	(1.204.749.020.577)	(289.591.132.730)	(17.006.779.977)	(4.155.963.119)	(1.515.502.896.403)
Chi phí liên quan đến doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>52.992.163.188</b>	<b>38.047.969.910</b>	<b>795.434.588</b>	<b>2.169.867.094</b>	<b>94.005.434.780</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>52.992.163.188</b>	<b>38.047.969.910</b>	<b>795.434.588</b>	<b>2.169.867.094</b>	<b>94.005.434.780</b>
<b>Tài sản</b>					
Tài sản theo bộ phận	788.252.527.148	168.231.546.767	94.603.124.364	218.197.804.918	1.269.285.003.197
Tài sản không phân bổ				450.242.262.090	450.242.262.090
<b>Tổng tài sản</b>	<b>788.252.527.148</b>	<b>168.231.546.767</b>	<b>94.603.124.364</b>	<b>668.440.067.008</b>	<b>1.719.527.265.287</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả theo bộ phận	538.441.385.763	125.517.713.240	33.484.038.690	36.852.736.146	734.295.873.839
Nợ phải trả không phân bổ				417.124.444.620	417.124.444.620
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>538.441.385.763</b>	<b>125.517.713.240</b>	<b>33.484.038.690</b>	<b>453.977.180.766</b>	<b>1.151.420.318.458</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**39. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	Công ty được kiểm soát bởi thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Hoàng Long	Công ty được kiểm soát bởi thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Thủy Hải sản MêKông	Công ty được kiểm soát bởi thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	Công ty cùng người kiểm soát

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Mua nguyên vật liệu, hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>358.037.272.522</b>	<b>421.637.297.865</b>
Công Ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	73.723.492.822	106.394.779.372
Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	284.313.779.700	314.943.641.100
Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	-	298.877.393
<b>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>643.877.450.996</b>	<b>962.649.759.345</b>
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	275.867.762.570	188.497.086.830
Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	62.343.462.050	244.755.657.000
Công Ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản Hoàng Long	305.646.684.709	199.170.410.125
Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	19.541.667	330.226.605.390
Công Ty Cổ Phần Thủy Hải Sản MêKông	114.880.000	-
<b>Lãi cho vay</b>	<b>19.697.193.467</b>	<b>13.283.043.186</b>
Công Ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản Hoàng Long	19.697.193.467	13.283.043.186
<b>Cho mượn vốn</b>	<b>140.919.798.702</b>	<b>244.349.674.480</b>
Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	9.900.011.000	-
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	-	25.524.968.700
Công Ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản Hoàng Long	111.484.727.702	190.228.230.500
Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	19.535.060.000	28.596.475.280



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**39. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Giao dịch với các bên liên quan (tiếp):**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Vay vốn</b>	<b>200.738.000.000</b>	<b>297.921.000.000</b>
Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	200.598.000.000	296.021.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	140.000.000	1.900.000.000

**Số dư với các bên liên quan:**

	Tại 30/06/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>321.995.229.121</b>	<b>330.018.620.971</b>
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	17.836.100.047	11.981.382.907
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	239.753.550.906	130.879.937.385
Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	51.273.862.458	156.407.851.964
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	4.274.990.710	21.892.723.715
Bà Phạm Huyền Trang	8.856.725.000	8.856.725.000
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>12.426.815.500</b>	<b>39.376.625.744</b>
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	-	23.457.279.163
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	12.426.815.500	15.919.346.581
<b>Phải thu về cho vay</b>	<b>473.734.611.057</b>	<b>427.394.600.057</b>
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	8.500.011.000	
Công Ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	465.134.600.057	427.394.600.057
Cty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	100.000.000	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>65.018.889.642</b>	<b>93.225.933.593</b>
Cty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	61.537.329.642	86.921.914.925
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	3.000.000.000	6.304.018.668
Công Ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	481.560.000	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**39. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Số dư với các bên liên quan (tiếp):

	Tại 30/06/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>26.640.921.009</b>	<b>3.857.848.703</b>
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	13.388.496.709	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	13.252.424.300	-
Công ty TNHH Thương mại An Thịnh	-	3.857.848.703
<b>Phải trả khác</b>	<b>400.000.000</b>	<b>4.014.645.824</b>
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	-	3.546.110.400
Ông Phạm Phúc Toại	-	468.535.424
Hồ Thị Ánh Tuyết	400.000.000	-

**40. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HLG của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 11/4/2017 về việc giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long (tại 281-283 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP.HCM), Công ty đã hoàn tất các thủ tục và Chi nhánh đã ngưng hoạt động, đóng mã số thuế từ ngày 01/8/2017.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 của Công ty.

**41. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

**42. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty đã được soát xét.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Lê Thị Khả Hân

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trúc

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Quốc Đạo